

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2017
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017



Tháng 8 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 51

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 23/03/2017)
Ông Đặng Trọng Ngôn	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 23/03/2017)
Ông Ngô Văn Cường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 13/06/2017)
Ông Phan Anh Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên
Ông Trương Phước Nghĩa	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/07/2017)
Ông Lê Thanh Hồng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 05/06/2017)
Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Phan Trịnh Anh Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21/07/2017)
Ông Nguyễn Đậu Thảo	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 31/07/2017)
Ông Trần Quang Cần	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 31/07/2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Văn Cường	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Anh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 13/06/2017)
Ông Phan Anh Quang	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 31/07/2017)
Ông Trần Quang Cần	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 31/07/2017)

Ban Kiểm soát

Ông Lê Chí Dũng	Trưởng ban
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thúy Vinh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/07/2017)

Đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty

Ông Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Ngô Văn Cường	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ngô Văn Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 08 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 27.08/2017/BCSX-IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam, được lập ngày 21 tháng 08 năm 2017, từ trang 6 đến trang 51, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Chúng tôi đã tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2400 - Dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính quá khứ. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi đưa ra kết luận rằng liệu có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, xét trên phương diện tổng thể không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, theo khuôn khổ về lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng hay không. Chuẩn mực này cũng yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan.

Dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực này là dịch vụ đảm bảo có giới hạn. Kiểm toán viên thực hiện các thủ tục, chủ yếu gồm phỏng vấn Ban Tổng Giám đốc và các nhân sự khác trong Tổng Công ty, nếu thích hợp, thủ tục phân tích và đánh giá bằng chứng thu thập được.

Các thủ tục được thực hiện trong dịch vụ soát xét ít hơn đáng kể so với cuộc kiểm toán được tiến hành theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi sẽ không đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập ngày 13 tháng 03 năm 2017.



Nguyễn Nam Cường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2013-072-1

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính
Quốc tế (IFC)**

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 01A-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.165.446.617.466	913.138.108.860
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		256.925.324.131	66.031.095.512
1. Tiền	111	V.1	256.925.324.131	66.031.095.512
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	20.527.640.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	23.242.031.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(2.714.391.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		856.250.350.696	812.632.148.950
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	351.207.392.325	305.326.975.405
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	180.658.646.480	180.972.777.228
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	138.258.362.141	153.418.691.891
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	306.000.949.048	242.060.703.724
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(119.874.999.298)	(69.146.999.298)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	52.270.942.639	13.947.224.398
1. Hàng tồn kho	141		52.270.942.639	13.947.224.398
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		453.434.625.732	521.729.019.697
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18.588.583.263	23.530.887.909
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	18.588.583.263	23.530.887.909
II. Tài sản cố định	220		45.868.091.005	47.426.487.978
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	30.120.005.321	31.504.959.994
- Nguyên giá	222		70.313.189.987	69.931.270.715
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.193.184.666)	(38.426.310.721)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	15.748.085.684	15.921.527.984
- Nguyên giá	228		17.863.520.408	17.863.520.408
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.115.434.724)	(1.941.992.424)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		306.536.727.984	367.193.189.620
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.8	241.011.003.705	235.972.515.804
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	65.525.724.279	131.220.673.816
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		79.785.656.557	80.663.829.892
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	90.750.280.000	88.750.280.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.14	19.434.100.000	19.434.100.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.15	38.674.735.902	42.739.009.234
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(69.073.459.345)	(70.259.559.342)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.655.566.923	2.914.624.298
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1.691.360.428	2.282.672.155
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		964.206.495	631.952.143
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.618.881.243.198	1.434.867.128.557

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 01A-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		565.826.866.388	459.250.925.472
I. Nợ ngắn hạn	310		564.124.150.448	456.301.269.532
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	95.275.966.321	105.874.626.356
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		175.318.286.997	133.913.638.370
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	37.174.410.208	6.730.868.735
4. Phải trả người lao động	314		2.821.181.570	3.345.517.547
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	61.207.682.765	71.440.000.983
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	1.618.575.638	2.181.454.471
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	187.310.670.396	124.659.185.689
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	3.946.172.138
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.397.376.553	4.209.805.243
II. Nợ dài hạn	330		1.702.715.940	2.949.655.940
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21	1.702.715.940	2.949.655.940
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.053.054.376.810	975.616.203.085
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	1.053.054.376.810	975.616.203.085
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		904.329.530.000	904.329.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		904.329.530.000	904.329.530.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.522.600.000	2.522.600.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.340.505.143	6.340.505.143
4. Cổ phiếu quỹ	415		(28.712.098.397)	(28.712.098.397)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.985.555.466	11.985.555.466
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		156.588.284.598	79.150.110.873
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		76.484.423.297	41.068.859.796
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		80.103.861.301	38.081.251.077
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.618.881.243.198	1.434.867.128.557

(Handwritten signature)

Võ Quang
Người lập biểu
Ngày 21 tháng 08 năm 2017

(Handwritten signature)

Trần Quang Cần
Kế toán trưởng



Ngô Văn Cường
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 02A-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		442.824.355.214	173.815.078.789
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	442.824.355.214	173.815.078.789
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	269.580.926.549	152.295.366.503
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		173.243.428.665	21.519.712.286
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	13.591.022.463	14.430.614.658
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.221.868.442	10.953.569.102
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.705.149.728	12.433.223.094
8. Chi phí bán hàng	25		2.500.000	6.103.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	73.088.755.372	19.900.693.433
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		109.521.327.314	5.089.961.409
11. Thu nhập khác	31	VI.6	6.409.176.077	1.009.110.261
12. Chi phí khác	32	VI.7	6.313.601.514	716.618.337
13. Lợi nhuận khác	40		95.574.563	292.491.924
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		109.616.901.877	5.382.453.333
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	29.845.294.928	2.017.817.636
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(332.254.352)	97.539.848
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		80.103.861.301	3.267.095.849

Võ Quang
Người lập biểu
Ngày 21 tháng 08 năm 2017

Trần Quang Cần
Kế toán trưởng



Ngô Văn Cường
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 03A-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	475.402.461.799	292.386.286.034
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(308.357.121.251)	(354.244.790.173)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(10.804.012.170)	(11.261.836.996)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(5.673.358.095)	(10.813.829.734)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.761.574.295)	(14.494.172.839)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.635.023.890	14.086.401.137
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(37.370.081.731)	(15.488.460.563)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	113.071.338.147	(99.830.403.134)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(10.758.969.132)	(7.833.489.850)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	759.970.775
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(28.275.412.979)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	175.985.499	153.844.870.888
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(27.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	25.347.599.572	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.653.729.826	10.288.670.504
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	16.418.345.765	128.757.609.338
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	236.315.640.315	295.965.428.199
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(174.911.095.608)	(347.589.878.454)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	61.404.544.707	(51.624.450.255)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	190.894.228.619	(22.697.244.051)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	66.031.095.512	90.929.799.363
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	23.531
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	256.925.324.131	68.232.578.843

(Signature)

Võ Quang
Người lập biểu
Ngày 21 tháng 08 năm 2017

(Signature)

Trần Quang Căn
Kế toán trưởng



Ngô Văn Cường
Tổng Giám đốc

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (“Tổng Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt Phương án và chuyển Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam. Tổng Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 01 tháng 01 năm 2005. Hiện tại, Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 12 tháng 04 năm 2017.

Vốn điều lệ của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 12 tháng 04 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là 904.329.530.000 đồng tương ứng với 90.432.953 cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500KV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hóa, thể thao, sân bay, bến cảng;
- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;
- Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; Sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất, kinh doanh xăng dầu;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định dự án đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đầu tư và hợp đồng kinh tế, tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyên công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;
- Đầu tư nhà máy thủy điện độc lập, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;
- Đầu tư tài chính;
- Sản xuất và kinh doanh điện;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh vận tải, kinh doanh vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng;
- Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải;
- Kinh doanh lắp đặt thiết bị điện, điện tử viễn thông, điện gia dụng;
- Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị vệ sinh;
- Kinh doanh bánh kẹo, rượu, bia, thuốc lá, thuốc lá điều sản xuất trong nước, hóa mỹ phẩm;
- Kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ, đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Cho thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09A-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, hoạt động chính của Tổng Công ty là xây lắp các công trình nguồn điện, hệ thống lưới điện, trạm biến áp điện; Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng, tùy thuộc vào các công trình xây lắp do Tổng Công ty ký kết với các chủ đầu tư.

Cấu trúc doanh nghiệp

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam gồm:

Đơn vị

Văn phòng Tổng Công ty

Địa chỉSố 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**Đơn vị trực thuộc**

1. Khách sạn xanh Đà Nẵng
2. Sàn Giao dịch Bất động sản VNECO
3. Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ

Số 64 Hoàng Văn Thái, Quận Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng
Số 02 Lê Lợi, Phường Vĩnh Ninh, Thành phố
Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
740C Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú
Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Công ty con

1. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 3
2. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 4
3. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 8
4. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 12
5. Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Huế VNECO
6. Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong I
7. Công ty TNHH MTV Bất động sản - Du lịch VNECO

Địa chỉ

Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh,
Tỉnh Nghệ An
Số 197 Nguyễn Trường Tộ, Thành phố Vinh,
Tỉnh Nghệ An
Số 10 Đào Duy Từ, Thành phố Buôn Ma Thuột,
Tỉnh Đắk Lắk
Số 155 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới,
Tỉnh Quảng Bình
Số 2 Lê Lợi, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên
Huế
Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc
Bình, Tỉnh Bình Thuận
Phường Mân Thái, quận Sơn Trà, thành phố Đà
Nẵng

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)****Công ty liên kết****Địa chỉ**

- | | |
|---|--|
| 1. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 2 | Số 13 Mai Hắc Đế, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An |
| 2. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 7 | Số 51 Phạm Như Xương, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng |
| 3. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 10 | Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định |
| 4. Công ty TNHH Quản lý Dự án Core Asia | Lầu 1, tòa nhà Sông Đà, 14B Kỳ Đồng, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh |

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 cho mục đích công bố thông tin theo quy định đối với các tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Tổng Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT - BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Tổng Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tổng Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức Kế toán máy

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết***Đầu tư vào Công ty con***

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 10
Tài sản khác	03 - 10

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất trong 50 năm; Giá trị giấy phép chuyển nhượng và phần mềm máy tính ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Quyền sử dụng đất	50
Bản quyền, bằng sáng chế	Hết khấu hao
Phần mềm máy tính	Hết khấu hao

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ trong thời gian không quá 03 năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán bất động sản Tổng Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1. TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	742.520.662	204.796.197
Tiền gửi ngân hàng	256.182.803.469	65.826.299.315
Cộng	256.925.324.131	66.031.095.512

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty CP Năng lượng Tái tạo Châu Á	-	115.802.660.338
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	156.211.997.284	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện Hải Xuân VNECO	56.850.264.266	61.850.264.266
BQLDA các công trình Điện Miền Bắc	28.207.061.009	54.424.074.538
BQLDA các công trình Điện Miền Trung	22.291.340.924	22.628.990.248
BQLDA các công trình Điện Miền Nam	13.591.542.440	17.868.128.860
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 4	14.511.490.746	14.500.380.746
Ban QLDA phát triển điện lực (Tổng Công ty Điện lực miền Bắc)	9.739.129.393	9.818.778.456
Ban Quản lý DA Phát triển điện lực Hà Nội	18.277.993.882	-
Các đối tượng khác	31.526.572.381	8.433.697.953
Cộng	351.207.392.325	305.326.975.405

b. Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan

Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	156.211.997.284	-
Cộng	156.211.997.284	-

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty CP DVTM Kinh doanh Nhà Tín Nghĩa (i)	65.000.000.000	65.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại XD Phúc Vân Hà (i)	50.728.000.000	50.728.000.000
Bộ chỉ huy quân sự - TP Đà Nẵng (ii)	25.493.022.727	25.493.022.727
Công ty CP Xây dựng Mai Linh Hà Tĩnh	7.814.200.043	12.115.149.407
Công ty Cổ phần KTC	-	12.000.000.000
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 10	10.014.825.351	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	21.608.598.359	15.636.605.094
Cộng	180.658.646.480	180.972.777.228
b. Trả trước ngắn hạn cho các bên liên quan		
- Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	10.014.825.351	-
Cộng	10.014.825.351	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (TIẾP THEO)

- (i) Khoản trả trước cho hợp đồng chuyển nhượng bất động sản tại đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty đã nắm giữ các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để chuyển quyền sử dụng mảnh đất này.
- (ii) Khoản trả trước tiền cho hợp đồng chuyển nhượng đất và tài sản trên đất tại 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4. PHẢI THU CHO VAY NGẮN HẠN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty CP Năng lượng Tái tạo Châu Á	-	20.400.110.914
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện MÊCA - VNECO (i)	5.502.808.229	6.063.853.673
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO (ii)	132.755.553.912	126.954.727.304
Cộng	<u>138.258.362.141</u>	<u>153.418.691.891</u>
b. Phải thu về cho vay ngắn hạn là bên liên quan	-	-
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	132.755.553.912	126.954.727.304
Cộng	<u>132.755.553.912</u>	<u>126.954.727.304</u>

- (i) Khoản cho Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện MÊCA - VNECO theo hợp đồng thu xếp vốn số 12/2016/HĐTXD ngày 05/12/2016 với thời hạn 1 tháng, lãi suất 10,5%/năm. Khoản cho vay này được đảm bảo bởi quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại số 702 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích mảnh đất là 318,4m².
- (ii) Khoản cho Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO vay theo hợp đồng thu xếp vốn để xây dựng công trình khách sạn Xanh Huế.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Dự án chuyển nhượng bất động sản tại đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (i)	205.340.573.879	205.340.573.879
+ Công ty CP Dịch vụ thương mại kinh doanh Nhà tin Nghĩa	116.000.000.000	116.000.000.000
+ Ông Lâm Phúc Lâm và Bà Lê Thị Thùy Vân	66.520.858.333	66.520.858.333
+ Công ty TNHH TMại XD Phúc Vân Hà	22.819.715.546	22.819.715.546
- Nguyễn Đức Thế Thảo	30.554.000.000	-
- BQLDA các công trình điện Miền Bắc	792.668.198	878.366.483
- BQLDA các công trình điện Miền Nam	787.327.267	1.026.418.115
- BQLDA các công trình điện Miền Trung	214.783.092	654.915.400
- Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện Phú Vang	416.612.000	416.612.000
- Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong I	45.866.908.103	-
- Tạm ứng	7.138.364.474	12.596.462.597
- Ký cược, ký quỹ	-	8.000.000.000
- Phải thu khác	14.889.712.035	13.147.355.250
Cộng	306.000.949.048	242.060.703.724
b. Dài hạn		
- Thu xếp vốn dài hạn cho Công ty CP Du lịch Xanh Huế	18.588.583.263	23.530.887.909
Cộng	18.588.583.263	23.530.887.909
c. Phải thu ngắn hạn khác là bên liên quan		
- Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	1.590.265.840	-
- Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	221.210.000	-
- Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong I	45.866.908.103	-
- Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	1.154.427.500	-
Cộng	48.832.811.443	-
d. Phải thu dài hạn khác là bên liên quan		
- Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	18.588.583.263	23.530.887.909
Cộng	114.442.730.309	23.530.887.909
(i) Khoản trả trước cho hợp đồng chuyển nhượng bất động sản tại đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty đã nắm giữ các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để chuyển quyền sử dụng mảnh đất này.		

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAMSố 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09A-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****6. NỢ XẤU**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<u>Phải thu khách hàng</u>				
Ban A - Công ty Truyền tải Điện 4	170.138.131	-	170.138.131	-
Ban A - Hàm Thuận Đa Mỹ	570.974.554	-	570.974.554	-
<u>Trả trước cho người bán</u>				
Công ty TNHH Tư vấn hoạch định nguồn lực DN E.R.P	195.000.000	-	195.000.000	-
Công ty TNHH An Thuận	119.361.786	-	119.361.786	-
VP Tư vấn & CGCN ĐHKH Hà Nội	140.000.000	-	140.000.000	-
<u>Phải thu khác</u>				
Lâm Phúc Lâm và Lê Thị Thùy Vân	66.520.858.333	29.000.000.000	66.520.858.333	29.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà	73.547.715.546	-	73.547.715.546	50.728.000.000
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Kinh doanh nhà Tin Nghĩa	181.000.000.000	181.000.000.000	181.000.000.000	181.000.000.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 6	2.460.327.531	-	2.460.327.531	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ xây dựng Hoàng Thắng	478.437.775	-	478.437.775	-
Công ty CP Đầu tư và Thương mại VNECO Huế	248.018.874	-	248.018.874	-
Ông Lý Quốc Cường	3.100.601.109	-	3.100.601.109	-
Ông Hồ Vĩnh Hoàng	397.597.000	-	397.597.000	-
Các đối tượng khác	925.968.659	-	925.968.659	-
Cộng	329.874.999.298	210.000.000.000	329.874.999.298	260.728.000.000
		119.874.999.298		69.146.999.298
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi				

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAMSố 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09A-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****7. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.613.116.089	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	9.912.760	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	49.635.346.488	-	13.914.831.576	-
Hàng hoá	13.143.668	-	13.143.668	-
Hàng gửi bán	9.336.394	-	9.336.394	-
Cộng	52.270.942.639	-	13.947.224.398	-

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỒ DANG DÀI HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Dự án đầu tư Khu đô thị mới Mỹ Thượng, Thừa Thiên Huế	241.011.003.705	241.011.003.705	235.972.515.804	235.972.515.804
Cộng	241.011.003.705	241.011.003.705	235.972.515.804	235.972.515.804

Dự án Khu Đô thị mới Mỹ Thượng, Thừa Thiên Huế với tổng diện tích xây dựng là 435,335m², quy mô xây dựng 998 căn nhà phố liền kề và biệt thự. Theo quyết định số 26/QĐ/UBND ngày 11 tháng 01 năm 2016 về việc thực hiện điều chỉnh thời gian thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật với thời gian thực hiện dự án điều chỉnh từ năm 2007 đến năm 2017.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAMSố 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09A-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2017	35.792.786.919	20.060.020.240	13.663.678.328	414.785.228	69.931.270.715
Mua trong kỳ	-	330.831.976	-	31.818.182	362.650.158
Đầu tư XD/CB hoàn thành	19.269.114	-	-	-	19.269.114
Tại ngày 30/06/2017	35.812.056.033	20.390.852.216	13.663.678.328	446.603.410	70.313.189.987
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2017	14.651.140.497	15.048.938.564	8.421.081.617	305.150.043	38.426.310.721
Khấu hao trong kỳ	1.326.216.042	64.361.087	359.507.045	16.789.771	1.766.873.945
Tại ngày 30/06/2017	15.977.356.539	15.113.299.651	8.780.588.662	321.939.814	40.193.184.666
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	21.141.646.422	5.011.081.676	5.242.596.711	109.635.185	31.504.959.994
Tại ngày 30/06/2017	19.834.699.494	5.277.552.565	4.883.089.666	124.663.596	30.120.005.321

Giá trị còn lại của tài sản cố định tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 dùng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng là 20.378.792.872 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 10.229.102.286 đồng).

Nguyên giá của Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 với giá trị là 24.522.669.243 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 22.517.760.567 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2017	17.354.684.088	50.086.320	458.750.000	17.863.520.408
Tại ngày 30/06/2017	17.354.684.088	50.086.320	458.750.000	17.863.520.408
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2017	1.433.156.104	50.086.320	458.750.000	1.941.992.424
Khấu hao trong kỳ	173.442.300	-	-	173.442.300
Tại ngày 30/06/2017	1.606.598.404	50.086.320	458.750.000	2.115.434.724
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2017	15.921.527.984	-	-	15.921.527.984
Tại ngày 30/06/2017	15.748.085.684	-	-	15.748.085.684

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 15.748.085.684 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 15.921.527.984 đồng).

Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 508.836.320 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 508.836.320 đồng).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Dự án Siêu thị Green Mart - Đà Nẵng (i)	58.356.508.757	58.356.508.757
Dự án Khu Tổ hợp căn hộ cao cấp, trung tâm thương mại, dịch vụ và khách sạn VNECO Sơn Trà	-	54.169.460.868
Dự án Đầu tư khu du lịch Xanh Lãng Cô	-	18.512.635.297
Dự án Cải Tạo Khách Sạn Xanh Đà Nẵng 2016	6.796.018.152	79.522.532
Các dự án khác	373.197.370	102.546.362
Cộng	65.525.724.279	131.220.673.816

(i) Dự án không tiếp tục thực hiện và đang xem xét chuyển nhượng.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.691.360.428	1.554.177.806
Chi phí cải tạo văn phòng Hồ Chí Minh	-	519.437.387
Các khoản khác	-	209.056.962
Cộng	1.691.360.428	2.282.672.155

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAMSố 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09A-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	30/06/2017				01/01/2017			
	Số lượng CP	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng CP	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	698.572	6.985.720.000	9.989.579.600	-	698.572	6.985.720.000	8.033.578.000	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	562.602	5.192.580.000	7.595.127.000	-	562.602	5.192.580.000	6.076.101.600	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	1.006.809	9.746.980.000	12.283.069.800	-	1.006.809	9.746.980.000	11.175.579.900	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	788.752	7.887.000.000	(*)	-	788.752	7.887.000.000	(*)	-
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	5.891.300	58.938.000.000	(*)	(58.938.000.000)	5.891.300	58.938.000.000	(*)	(58.938.000.000)
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	-	2.000.000.000	(*)	-	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Bất động sản - Du lịch VNECO	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng		90.750.280.000	(58.938.000.000)			88.750.280.000	(58.938.000.000)	

Thông tin chi tiết về các Công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	Nghệ An	52,93%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện;...
2	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	Nghệ An	54,73%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện;...
3	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	Đắc Lắc	55,93%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện;...
4	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	Quảng Bình	65,73%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện;...
5	Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	TT.Huế	98,40%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn
6	Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Bình Thuận	100,00%	Sản xuất truyền tải, phân phối điện
7	Công ty TNHH MTV Bất động sản Du lịch VNECO	Đà Nẵng		Hoạt động xây lắp, kinh doanh nhà hàng, khách sạn...

(*) Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, do các Công ty con chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào các Công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 chưa thể xác định được để trình bày trên Thuyết Minh Báo cáo tài chính riêng theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	30/06/2017				01/01/2017			
	Số lượng CP	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng CP	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	679.075	5.854.100.000	9.167.512.500	-	679.075	5.854.100.000	7.334.010.000	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	956.000	9.560.000.000	(*)	(9.560.000.000)	956.000	9.560.000.000	(*)	(9.560.000.000)
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	300.000	3.000.000.000	(*)	-	300.000	3.000.000.000	(*)	-
	-	1.020.000.000	(*)	(114.436.510)	-	1.020.000.000	(*)	(155.961.882)
Công ty TNHH Quản lý Dự án Core Asia								
Cộng		19.434.100.000		(9.674.436.510)		19.434.100.000		(9.715.961.882)

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	Nghệ An	32,37%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện;...
2	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	Đà Nẵng	33,34%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện;...
3	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	Bình Định	30,05%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện;...
4	Công ty TNHH Quản lý Dự án Core Asia	Hồ Chí Minh	38,23%	Tư vấn, quản lý các Dự án đầu tư...

(*) Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, do các Công ty liên doanh, liên kết chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào các Công ty liên doanh liên kết tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 chưa thể xác định được để trình bày trên Thuyết Minh Báo cáo tài chính riêng theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	30/06/2017				01/01/2017			
	Số lượng CP	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng CP	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 1	84.490	758.179.800	659.022.000	(99.157.800)	84.490	758.179.800	481.593.000	(276.586.800)
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 9	214.099	1.982.484.527	2.205.219.700	-	214.099	1.982.484.527	1.348.823.702	(633.660.825)
Công ty CP Chế tạo Kết cấu thép VNECO.SSM	277.904	5.114.023.435	4.752.158.400	(361.865.035)	277.904	5.114.023.435	4.418.673.600	(695.349.835)
Công ty Cổ phần Sông Ba	7	48.140	105.000	-		368.800.000	368.800.000	-
Công ty CP Thủy điện Sông Chò		-	-	-		3.695.521.472	3.695.521.472	-
Công ty CP ĐT&XD Điện Hồi Xuân VNECO	3.082.000	30.820.000.000	(*)	-	3.082.000	30.820.000.000	-	-
Cộng		38.674.735.902	7.616.505.100	(461.022.835)		42.739.009.234	10.313.411.774	(1.605.597.460)

(*) Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, do Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hồi Xuân Vneco chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty này tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 chưa thể xác định được để trình bày trên Thuyết Minh Báo cáo tài chính riêng theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAMSố 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**MẪU SỐ B 09A-DN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Đồng Vĩnh Thịnh	80.062.544	80.062.544	12.537.896.138	12.537.896.138
Công ty CP Đất Xanh miền Trung	2.350.441.431	2.350.441.431	3.482.020.204	3.482.020.204
Công ty TNHH Phúc Thịnh	1.528.819.489	1.528.819.489	2.678.819.489	2.678.819.489
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	1.543.265.511	1.543.265.511	909.914.740	909.914.740
Công ty TNHH XD và TM Hoàng Phương Tùng	1.615.105.864	1.615.105.864	2.140.527.143	2.140.527.143
Công Ty Cổ phần KTC	20.232.800.815	20.232.800.815	-	-
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 2	15.773.422.079	15.773.422.079	15.400.813.697	15.400.813.697
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 3	3.158.315.424	3.158.315.424	9.869.856.253	9.869.856.253
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 4	12.167.561.625	12.167.561.625	8.639.507.735	8.639.507.735
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 8	7.563.943.435	7.563.943.435	8.650.219.102	8.650.219.102
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	-	-	9.534.299.109	9.534.299.109
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	1.659.469.057	1.659.469.057	6.114.315.010	6.114.315.010
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	1.629.604.931	1.629.604.931	1.823.104.931	1.823.104.931
Phải trả cho các đối tượng khác	25.973.154.116	25.973.154.116	24.093.332.805	24.093.332.805
Cộng	95.275.966.321	95.275.966.321	105.874.626.356	105.874.626.356

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (TIẾP THEO)

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
b. Các khoản phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan				
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	15.773.422.079	15.773.422.079	15.400.813.697	15.400.813.697
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	3.158.315.424	3.158.315.424	9.869.856.253	9.869.856.253
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	-	-	9.534.299.109	9.534.299.109
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	12.167.561.625	12.167.561.625	8.639.507.735	8.639.507.735
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	7.563.943.435	7.563.943.435	8.650.219.102	8.650.219.102
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	1.659.469.057	1.659.469.057	6.114.315.010	6.114.315.010
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	1.629.604.931	1.629.604.931	1.823.104.931	1.823.104.931
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	1.543.265.511	1.543.265.511	909.914.740	909.914.740
Cộng	41.952.316.551	41.952.316.551	60.032.115.837	60.032.115.837

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN TRẢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2017	Số phải nộp	Số đã thực nộp	01/01/2017
	VND	trong kỳ VND	trong kỳ VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	7.656.933.595	15.439.982.342	13.075.636.020	5.292.587.273
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	3.403.576	8.687.287	5.283.711
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.260.327.162	29.845.294.928	1.815.660.089	1.230.692.323
Thuế thu nhập cá nhân	257.149.451	353.580.282	298.736.259	202.305.428
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	37.174.410.208	45.642.261.128	15.198.719.655	6.730.868.735

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	218.108.381	186.316.748
Trích trước chi phí công trình	58.594.138.288	68.831.248.139
Trích trước chi phí mua Trụ sở làm việc số 344 Phan Chu Trinh	2.173.436.096	2.173.436.096
Chi phí phải trả khác	222.000.000	249.000.000
Cộng	61.207.682.765	71.440.000.983

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	403.097.824	314.460.392
Bảo hiểm xã hội	49.737.462	218.957.544
Bảo hiểm y tế	27.106.074	134.834.568
Bảo hiểm thất nghiệp	9.929.115	75.761.024
Phải trả về CP hoá	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	894.132.300	894.132.300
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	194.978.600	194.978.600
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	39.594.263	348.330.043
Cộng	1.618.575.638	2.181.454.471
b. Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	194.978.600	194.978.600
Cộng	194.978.600	194.978.600

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAMSố 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09A-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/06/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Hải Vân (i)	124.823.719.772	124.823.719.772	179.287.211.412	152.402.161.490	97.938.669.850	97.938.669.850
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng (ii)	49.257.861.264	49.257.861.264	42.175.099.543	4.732.002.912	11.814.764.633	11.814.764.633
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Đà Nẵng (iii)	9.853.329.360	9.853.329.360	14.853.329.360	15.812.431.206	10.812.431.206	10.812.431.206
Cộng vay ngắn hạn	183.934.910.396	183.934.910.396	236.315.640.315	172.946.595.608	120.565.865.689	120.565.865.689
Phân loại các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả	3.375.760.000				4.093.320.000	
Tổng cộng	187.310.670.396				124.659.185.689	

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/242753/HĐTD ngày 01 tháng 08 năm 2016 với tổng số hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 đồng (200 tỷ đồng) gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2017. Lãi suất cho vay và thời gian trả nợ cho từng lần vay được quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Khoản vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản cầm cố thế chấp của Tổng Công ty hoặc bên thứ ba theo các hợp đồng thế chấp cầm cố được ký kết giữa Ngân hàng và Tổng Công ty hoặc bên thứ ba; Toàn bộ số dư tiền gửi bằng VND và ngoại tệ tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; Các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế Tổng Công ty được thụ hưởng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

(ii) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo các hợp đồng sau:

1. Hợp đồng tín dụng từng lần số 42/2016/VCB-KHDN ngày 19 tháng 04 năm 2016 với tổng số hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng (50 tỷ đồng). Thời hạn cho vay là 09 tháng kể thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Khoản vay để thanh toán các chi phí thi công gói thầu 11 thuộc dự án đường dây 500KV Sông Mây - Tân Uyên theo thỏa thuận hợp đồng xây lắp số 1864/HĐXL-VNECO-PCC1 ngày 16 tháng 12 năm 2015. Khoản vay được đảm bảo bằng 04 xe ô tô đã qua sử dụng và 03 lô đất số 78,79,80 đường Thích Quảng Đức, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố số 110/NHNT-ĐN ngày 20 tháng 09 năm 2007 và Hợp đồng thế chấp, cầm cố số 10/2016/VCB-ĐN ngày 14 tháng 04 năm 2016.
2. Hợp đồng tín dụng từng lần số 117/2016/VCB-KHDN ngày 01 tháng 09 năm 2016 với tổng số hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 đồng (10 tỷ đồng). Thời hạn cho vay là 09 tháng kể thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Khoản vay để thanh toán các chi phí thi công gói thầu 07 - Xây lắp đường dây thuộc dự án đường dây 500KV đầu nối nhà máy Thăng Long theo thỏa thuận hợp đồng xây lắp số 119/ENVNPT/NPM-HĐXL-KH ngày 20/07/2016. Khoản vay được đảm bảo bằng 04 xe ô tô đã qua sử dụng và 03 lô đất số 78,79,80 đường Thích Quảng Đức, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố số 110/NHNT-ĐN ngày 20 tháng 09 năm 2007 và hợp đồng thế chấp, cầm cố số 10/2016/VCB-ĐN ngày 14 tháng 04 năm 2016.
3. Hợp đồng tín dụng từng lần số 13/2017/VCB-KHDN ngày 13 tháng 01 năm 2017 với tổng số hạn mức tín dụng là 17.800.000.000 đồng (17,8 tỷ đồng). Thời hạn cho vay là 06 tháng kể thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Khoản vay để thanh toán các chi phí thi công gói thầu NPC/NCNL-100NB-G01 - Khảo sát, lập thiết kế, cung cấp vật tư và thi công dự án nâng cao năng lực truyền tải ĐZ 100 KV lộ 172TBA 220KV Ninh Bình - Trình Xuyên theo thỏa thuận hợp đồng xây lắp số 207/HĐ-BDALD -KH ngày 20 tháng 09 năm 2016. Khoản vay được đảm bảo bằng 04 xe ô tô đã qua sử dụng và 03 lô đất số 78,79,80 đường Thích Quảng Đức, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố số 110/NHNT-ĐN ngày 20 tháng 09 năm 2007 và Hợp đồng thế chấp, cầm cố số 10/2016/VCB-ĐN ngày 14 tháng 04 năm 2016.
4. Hợp đồng tín dụng từng lần số 12/2017/VCB-KHDN ngày 13 tháng 01 năm 2017 với tổng số hạn mức tín dụng là 13.500.000.000 đồng (13,5 tỷ đồng). Thời hạn cho vay là 06 tháng kể thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Khoản vay để thanh toán chi phí thu công Gói thầu ADB -HNPC-NRST-W01: Nhánh rẽ vào trạm 200KV Sơn Tây: Cung cấp và lắp đặt vật lắp đường dây không 100KV, tiểu dự án: Nhánh rẽ vào trạm 200KV Sơn Tây, Dự án: Phát triển lưới điện Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh theo thỏa thuận hợp đồng xây lắp số 90HĐ/HANOI PBMB/ADB-HNPC-NRST-W01 ngày 29 tháng 12 năm 2016. Khoản vay được đảm bảo bằng 04 xe ô tô đã qua sử dụng và 03 lô đất số 78,79,80 đường Thích Quảng Đức, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố số 110/NHNT-ĐN ngày 20 tháng 09 năm 2007 và hợp đồng thế chấp, cầm cố số 10/2016/VCB-ĐN ngày 14 tháng 04 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

5. Hợp đồng tín dụng từng lần số 14/2017/VCB-KHDN ngày 17 tháng 01 năm 2017 với tổng số hạn mức tín dụng là 22.000.000.000 đồng (22 tỷ đồng). Thời hạn cho vay là 09 tháng kể thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích của khoản vay để thanh toán các chi phí thi công Gói thầu số 11 Xây lắp thuộc Dự án đường dây 200KV Di Linh - Bảo Lộc mạch 2 theo hợp đồng xây lắp số 21.12.2016/PTCC3 - VNECO ngày 21 tháng 12 năm 2016. Khoản vay được đảm bảo bằng 04 xe ô tô đã qua sử dụng và 03 lô đất số 78,79,80 đường Thích Quảng Đức, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố số 110/NHNT-ĐN ngày 20 tháng 09 năm 2007 và Hợp đồng thế chấp, cầm cố số 10/2016/VCB-ĐN ngày 14 tháng 04 năm 2016.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng theo các hợp đồng sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 03/2016 -HĐTD/NHCT488-VNECO ngày 29 tháng 01 năm 2016 với tổng số tiền là 65.000.000.000 đồng (65 tỷ đồng). Khoản vay để thanh toán cho công trình thi công đường dây điện Gói thầu số 7, Lô 7.3 "Xây lắp đường dây từ vị trí G12-G16" thuộc dự án "Đường dây 500KV TTĐL Vĩnh Tân - rẽ Sông Máy - Tân Uyên". Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 lần/tháng. Thời hạn giải ngân trong vòng 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn cho vay các khoản nợ là 09 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 300030265/2015/02 ngày 20 tháng 01 năm 2016.
2. Hợp đồng tín dụng số 04/2016 -HĐTD/NHCT488 - VNECO ngày 29 tháng 01 năm 2016 với tổng số tiền là 65.000.000.000 đồng (65 tỷ đồng). Khoản vay để thanh toán cho công trình thi công đường dây điện Gói thầu số 5 (TU -W05) "Xây lắp trạm (bao gồm PCCC_TNHC nhất thứ và Nhị thứ + Thí nghiệm cấp ngầm" thuộc Dự án "Trạm biến áp 500 KV Tân Uyên và đầu nối" Thời hạn giải ngân trong vòng 20 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn cho vay các khoản nợ là 09 tháng. Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 lần/tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 300030265/2015/02 ngày 20 tháng 01 năm 2016.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAMSố 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09A-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/06/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	VND	VND	năng trả nợ VND
Vay dài hạn	5.078.475.940	5.078.475.940	-	1.964.500.000	7.042.975.940	7.042.975.940
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Hải Vân (i)	1.400.000.000	1.400.000.000	-	600.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Bắc Đà Nẵng (ii)	1.160.000.000	1.160.000.000	-	1.040.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Đà Nẵng (iii)	2.518.475.940	2.518.475.940	-	324.500.000	2.842.975.940	2.842.975.940
Cộng	5.078.475.940	5.078.475.940	-	1.964.500.000	7.042.975.940	7.042.975.940
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả	3.375.760.000				4.093.320.000	
Cộng các khoản vay dài hạn	1.702.715.940				2.949.655.940	

- (i) Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân theo hợp đồng tín dụng số 02/2015/242753/HĐTD ngày 09 tháng 06 năm 2015 với tổng số tiền là 3.885.000.000 đồng. Thời hạn vay trong vòng 03 năm kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Khoản vay để mua 01 xe ô tô Mercedes GL400 và 02 xe ô tô Toyota Hilux 3.0 phục vụ điều hành quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng sau niêm yết tại Ngân hàng cộng phí ngân hàng cố định là 2,5%/năm, được điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng theo hợp đồng tín dụng số 04112015/HĐTD ngày 28 tháng 09 năm 2012 với tổng số tiền là 10.000.000.000 đồng (10 tỷ đồng). Thời hạn vay trong vòng 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Khoản vay để đầu tư dự án Khách sạn Xanh Đà Nẵng Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất hàng năm được xác định theo thông báo của ngân hàng tại thời điểm xác định lãi suất cho vay, được điều chỉnh 01 lần/tháng. Lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bởi hình thức thế chấp quyền sử dụng đất tại địa chỉ 64 Hoàng Văn Thái, Phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAMSố 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09A-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

(iii) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 232/VCB-KHDN ngày 24 tháng 07 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 3.761.800.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Khoản vay để thanh toán chi phí phát sinh của dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công. Lãi suất được ghi trên giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn và được điều chỉnh 1 quý/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản thế chấp cầm cố theo hợp đồng thế chấp tài sản cố 110/NHNT-ĐN ngày 20 tháng 09 năm 2007; hợp đồng thế chấp số hợp đồng thế chấp tài sản cố 100/NHNT-ĐN ngày 05 tháng 12 năm 2008; hợp đồng thế chấp tài sản cố 141/2011/VCB-ĐN ngày 15 tháng 12 năm 2011; hợp đồng thế chấp tài sản cố 140/2015/VCB-ĐN ngày 14 tháng 07 năm 2015.
- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 314/VCB-KHDN ngày 19 tháng 11 năm 2013 với số tiền vay là 430.000.000 đồng. Thời gian vay trong 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư 01 xe bán tải Mitsubishi 5 chỗ theo hợp đồng kinh tế số 36/1310/HĐKT ngày 29 tháng 10 năm 2013. Lãi suất được ghi trên giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn và được điều chỉnh 1 quý/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thành từ khoản vay và theo hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số bộ 172/2013/VCB-ĐN và phụ lục I kèm theo ngày 19 tháng 11 năm 2013 và các tài sản thế chấp cầm cố theo Hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản cố 110/NHNT-ĐN ngày 20 tháng 09 năm 2007; Hợp đồng thế chấp tài sản cố 141/2011/VCB-ĐN ngày 15 tháng 12 năm 2011; hợp đồng thế chấp tài sản cố 100/NHNT-ĐN ngày 05 tháng 12 năm 2008.
- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 81/2012/VCB-KHDN ngày 06 tháng 04 năm 2012 với số tiền vay là 297.300.000 đồng. Thời hạn vay trong 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích khoản vay để thanh toán tiền mua xe tải cầu tự hành theo Hợp đồng kinh tế số 06-2012/SMC ngày 23 tháng 03 năm 2012. Lãi suất được ghi trên giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn và được điều chỉnh 1 quý/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thành từ khoản vay theo hợp đồng thế chấp số 113/2012/VCB-ĐN ngày 25 tháng 06 năm 2012.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.375.760.000	4.093.320.000
Trong năm thứ hai	772.760.000	1.654.910.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	929.955.940	1.294.745.940
Cộng	5.078.475.940	7.042.975.940
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	3.375.760.000	4.093.320.000
Số phải trả sau 12 tháng	1.702.715.940	2.949.655.940

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAMSố 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09A-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	823.575.050.000	2.522.600.000	3.665.281.617	(28.712.098.397)	11.985.555.466	132.384.486.810	945.420.875.496
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	38.081.251.077	38.081.251.077
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.675.223.526	-	-	(10.561.147.014)	(7.885.923.488)
Trả cổ tức	80.754.480.000					(80.754.480.000)	-
Số dư tại ngày 31/12/2016	904.329.530.000	2.522.600.000	6.340.505.143	(28.712.098.397)	11.985.555.466	79.150.110.873	975.616.203.085
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	80.103.861.301	80.103.861.301
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	(2.665.687.576)	(2.665.687.576)
Số dư tại ngày 30/06/2017	904.329.530.000	2.522.600.000	6.340.505.143	(28.712.098.397)	11.985.555.466	156.588.284.598	1.053.054.376.810

(*) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ/VNECO-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 03 năm 2017 của Tổng Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.432.953	90.432.953
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	90.432.953	90.432.953
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	1.598.920	1.598.920
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.598.920	1.598.920
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	88.834.033	88.834.033
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	88.834.033	88.834.033
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Tổng Công ty có trụ sở đặt tại số 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Tổng Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 03 (ba) bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh xây lắp, bộ phận kinh doanh bất động sản và bộ phận khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAMSố 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09A-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017:

	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động KD bất động sản VND	Hoạt động kinh doanh khác VND	Tổng cộng VND
Từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	233.460.844.510	208.658.732.304	704.778.400	442.824.355.214
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Tổng Doanh thu thuần	233.460.844.510	208.658.732.304	704.778.400	442.824.355.214
Chi phí phân bổ	207.712.501.124	61.163.647.025	704.778.400	269.580.926.549
Kết quả kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	25.748.343.386	147.495.085.279	-	173.243.428.665
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	554.492.108	10.204.477.024	-	10.758.969.132
Số dư tại ngày 30/06/2017				
Tài sản bộ phận	764.669.328.031	451.011.003.705	65.525.724.279	1.281.206.056.015
Tài sản không phân bổ	-	-	-	337.675.187.183
Tổng tài sản	764.669.328.031	451.011.003.705	65.525.724.279	1.618.881.243.198
Nợ phải trả bộ phận	447.348.091.088	81.251.045.926	-	528.599.137.014
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	37.227.729.374
Tổng nợ phải trả	447.348.091.088	81.251.045.926	-	565.826.866.388

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAMSố 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09A-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016.

	Hoạt động xây lắp	Hoạt động KD bất động sản	Hoạt động kinh doanh khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	145.509.152.962	26.545.578.477	1.760.347.350	173.815.078.789
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Tổng Doanh thu thuần	145.509.152.962	26.545.578.477	1.760.347.350	173.815.078.789
Chi phí phân bổ	133.446.498.369	15.968.791.059	2.880.077.075	152.295.366.503
Kết quả kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	12.062.654.593	10.576.787.418	(1.119.729.725)	21.519.712.286
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	5.719.479.555	-	7.785.438.080	13.504.917.635
Số dư tại ngày 31/12/2016				
Tài sản bộ phận	659.797.152.565	264.972.515.804	171.039.465.111	1.095.809.133.480
Tài sản không phân bổ	-	-	-	325.553.077.442
Tổng tài sản	665.516.632.120	264.972.515.804	178.824.903.191	1.434.867.128.557
Nợ phải trả bộ phận	250.217.170.692	67.924.061.888	2.578.722.814	320.719.955.394
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	138.530.970.078
Tổng nợ phải trả	250.217.170.692	67.924.061.888	2.578.722.814	459.250.925.472

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	442.824.355.214	173.815.078.789
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	1.760.347.350
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	208.658.732.304	26.545.578.477
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	233.460.844.510	145.509.152.962
- Doanh thu khác	704.778.400	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	442.824.355.214	173.815.078.789

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	2.880.077.075
Giá vốn của hoạt động chuyển nhượng BĐS	61.163.647.025	15.968.791.059
Giá vốn của hoạt động xây lắp	207.712.501.124	133.446.498.369
Giá vốn hoạt động khác	704.778.400	-
Cộng	269.580.926.549	152.295.366.503

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.461.604.723	3.136.654.427
Lãi kinh doanh chứng khoán	1.674.260.140	1.765.797.400
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.455.157.600	9.528.139.300
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	23.531
Cộng	13.591.022.463	14.430.614.658

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền vay	5.705.149.728	12.433.223.094
Chi phí kinh doanh chứng khoán	37.216.640	23.917.857
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.178.171	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(1.521.676.097)	(1.503.571.849)
Cộng	4.221.868.442	10.953.569.102

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	660.903.251	114.834.378
Chi phí nhân viên quản lý	9.632.480.776	8.188.148.682
Khấu hao tài sản cố định	787.158.828	661.994.096
Thuế, phí, lệ phí	30.980.000	402.103.288
Chi phí dự phòng	50.728.000.000	865.063.958
Dịch vụ mua ngoài	7.612.105.712	953.100.974
Chi phí bằng tiền khác	3.637.126.805	8.715.448.057
Cộng	73.088.755.372	19.900.693.433

6. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	48.000.000	778.406.707
Chênh lệch phần định giá giá trị góp vốn vào Công ty TNHH Lãng Cô - Trùng Phương	6.060.188.313	-
Các khoản thu khác	300.987.764	230.703.554
Cộng	6.409.176.077	1.009.110.261

7. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí công trình không quyết toán	788.039.939	642.357.702
Phạt do vi phạm tiến độ cam kết dự án	5.451.667.000	-
Các khoản phạt hành chính	18.223.482	36.993.140
Thanh lý tài sản cố định	48.000.000	-
Các khoản chi khác	7.671.093	37.267.495
Cộng	6.313.601.514	716.618.337

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	109.616.901.877	5.382.453.333
Trong đó:		
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>(37.878.183.402)</i>	<i>(5.194.334.085)</i>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	7.455.157.600	47.092.682
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	5.588.931.618	-
Thu nhập chịu thuế	(39.744.409.384)	(5.241.426.767)
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	-	-
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế từ chuyển nhượng BĐS. Trong đó:</i>	<i>147.495.085.279</i>	<i>10.576.787.418</i>
- Dự án Khu Tổ hợp căn hộ cao cấp, Trung tâm TMDV và Khách sạn VNECO Sơn Trà	146.996.786.942	-
- Chuyển nhượng lô đất D86 theo HĐ CN số 4404 ngày 27/12/2016 (lô D86)	297.986.970	-
- Hoàng Thanh Bình và Cao Thanh Thủy nhận chuyển Lô đất D180 HĐCN 1373 ngày 05/05/2017	270.428.970	-
- Chuyển nhượng lô đất A14 theo HĐ chuyển nhượng số 1827 ngày 19/04/2017	(70.117.603)	-
- Các hợp đồng chuyển nhượng Bất động sản khác	-	10.576.787.418
Thu nhập chịu thuế	147.565.202.882	10.576.787.418
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	29.513.040.576	2.115.357.484
Hoàn nhập thuế TNDN đã tạm trích từ tiền thu trước HĐKD BDSS	-	(97.539.848)
Tạm trích 1% từ tiền thu liên quan đến hoạt động bất động sản	332.254.352	-
Chi phí thuế TNDN từ chuyển nhượng BĐS	29.845.294.928	2.017.817.636
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	29.845.294.928	2.017.817.636

9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”, Tổng Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất, mà không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	100.170.827.905	69.969.784.229
Chi phí nhân công	9.632.480.776	8.188.148.682
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.940.316.245	1.888.671.714
Chi phí dịch vụ mua ngoài	216.757.292.329	91.090.338.390
Chi phí khác bằng tiền	3.497.489.079	24.669.185.626
Cộng	331.998.406.334	195.806.128.641

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.20 và V.21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản vay	189.013.386.336	127.608.841.629
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	256.925.324.131	66.031.095.512
Nợ thuần	-	61.577.746.117
Vốn chủ sở hữu	1.053.054.376.810	975.616.203.085
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,00%	6,31%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh IV.

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	256.925.324.131	66.031.095.512
Phải thu khách hàng và phải thu khác	694.180.287.479	655.190.259.631
Đầu tư ngắn hạn	-	20.527.640.000
Đầu tư dài hạn	38.213.713.067	41.133.411.774
Các khoản ký quỹ	-	8.000.000.000
Cộng	989.319.324.677	790.882.406.917
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	189.013.386.336	127.608.841.629
Phải trả người bán và phải trả khác	96.894.541.959	108.056.080.827
Chi phí phải trả	61.207.682.765	71.440.000.983
Cộng	347.115.611.060	307.104.923.439

Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính là không đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09A-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Quản lý rủi ro lãi suất*

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là thấp.

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh. Các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan tại Thuyết minh V.3 và V.5.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
30/06/2017			
Tiền	256.925.324.131	-	256.925.324.131
Phải thu khách hàng và phải thu khác	675.591.704.216	18.588.583.263	694.180.287.479
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	38.213.713.067	38.213.713.067
Các khoản ký quỹ	-	-	-
Cộng	932.517.028.347	56.802.296.330	989.319.324.677
30/06/2017			
Các khoản vay	187.310.670.396	1.702.715.940	189.013.386.336
Phải trả người bán và phải trả khác	96.894.541.959	-	96.894.541.959
Chi phí phải trả	61.207.682.765	-	61.207.682.765
Cộng	345.412.895.120	1.702.715.940	347.115.611.060
Chênh lệch thanh khoản thuần	587.104.133.227	55.099.580.390	642.203.713.617
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2017			
Tiền	66.031.095.512	-	66.031.095.512
Phải thu khách hàng và phải thu khác	631.659.371.722	23.530.887.909	655.190.259.631
Đầu tư ngắn hạn	20.527.640.000	-	20.527.640.000
Đầu tư dài hạn	-	41.133.411.774	41.133.411.774
Các khoản ký quỹ	-	8.000.000.000	8.000.000.000
Cộng	718.218.107.234	72.664.299.683	790.882.406.917
01/01/2017			
Các khoản vay	124.659.185.689	2.949.655.940	127.608.841.629
Phải trả người bán và phải trả khác	108.056.080.827	-	108.056.080.827
Chi phí phải trả	71.440.000.983	-	71.440.000.983
Cộng	304.155.267.499	2.949.655.940	307.104.923.439
Chênh lệch thanh khoản thuần	414.062.839.735	69.714.643.743	483.777.483.478

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	Công ty con
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	Công ty con
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	Công ty con
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	Công ty con
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	Công ty con
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Công ty con
Công ty TNHH MTV Bất động sản - Du lịch VNECO	Công ty con
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết
Công ty TNHH Quản lý Dự án Core Asia	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
a. Bán hàng	704.778.400	96.000.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	302.578.400	96.000.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	201.100.000	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	201.100.000	-
b. Mua hàng	83.913.081.999	69.199.420.723
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	2.709.319.129	2.652.609.693
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	18.083.964.705	8.318.838.647
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	43.611.628.260	17.665.305.871
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	1.481.697.428	3.770.572.886
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	-	2.787.002.307
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	6.422.627.286	8.926.681.672
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	6.105.045.465	10.396.252.290
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	5.498.799.726	14.040.574.629
Công ty TNHH Quản lý Dự án Core Asia	-	641.582.728
c. Nhận cổ tức	3.447.613.500	3.925.121.700
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	-	900.163.200
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	1.510.213.500	1.510.213.500
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	360.000.000	1.064.745.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	1.577.400.000	450.000.000
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	-	-
Lãi cho vay	1.207.866.461	1.647.458.369
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	1.207.866.461	1.647.458.369

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09A-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)****Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	69.221.004.706	23.530.887.909
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	1.590.265.840	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	221.210.000	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	1.798.610.000	-
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	18.588.583.263	23.530.887.909
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	45.866.908.103	-
Công ty TNHH MTV Bất động sản - Du lịch VNECO	1.000.000	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	1.154.427.500	-
Phải thu khách hàng ngắn hạn	156.211.997.284	115.802.660.338
Công ty TNHH Điện Gió Thuận Nhiên Phong 1	156.211.997.284	115.802.660.338
Phải thu về cho vay ngắn hạn	132.755.553.912	126.954.727.304
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	132.755.553.912	126.954.727.304
Các khoản phải trả người bán	43.495.582.062	60.942.030.577
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	3.158.315.424	9.869.856.253
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	12.167.561.625	8.639.507.735
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	7.563.943.435	8.650.219.102
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	1.659.469.057	6.114.315.010
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	1.629.604.931	1.823.104.931
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	15.773.422.079	15.400.813.697
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	1.543.265.511	909.914.740
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	-	9.534.299.109
Phải trả ngắn hạn khác	194.978.600	194.978.600
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	194.978.600	194.978.600
Trả trước cho người bán	10.014.825.351	2.330.494.000
Công ty TNHH Quản lý Dự án Core Asia	-	2.330.494.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	10.014.825.351	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÀU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập và các khoản vay của Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	1.531.821.000	979.772.000
Ông Ngô Văn Cường	350.687.000	250.745.000
Ông Nguyễn Tịnh	243.405.000	238.643.000
Ông Trần Văn Huy	224.342.000	238.643.000
Ông Lê Văn Khôi	230.118.000	24.803.000
Ông Mai Anh Hoàng	251.704.000	-
Ông Phan Anh Quang	231.565.000	226.938.000
Thù lao Hội đồng quản trị	523.223.000	568.747.000
Ông Đoàn Đức Hồng	39.783.000	348.202.000
Ông Ngô Văn Cường	5.000.000	-
Ông Nguyễn Tịnh	30.000.000	30.000.000
Ông Phan Anh Quang	30.000.000	48.000.000
Ông Trương Phước Nghĩa	30.000.000	30.000.000
Ông Phan Trịnh Anh Tuấn	30.000.000	30.000.000
Ông Đậu Xuân Thảo	-	-
Ông Trần Quang Cần	-	-
Ông Lê Mạnh Hùng	30.000.000	4.545.000
Ông Đặng Trọng Ngôn	188.163.000	48.000.000
Ông Lê Thanh Hồng	140.277.000	30.000.000
Thù lao Ban Kiểm soát	177.540.000	175.905.000
Ông Lê Chí Dũng	141.540.000	139.905.000
Ông Lê Minh Tuấn	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Thúy Vinh	18.000.000	18.000.000
Cộng	2.232.584.000	1.724.424.000

3. THÔNG TIN KHÁC

Theo Quyết định số 30/QĐ/VNECO-HDQT ngày 31 tháng 07 năm 2017, Hội đồng quản trị thông qua quyết định giải thể Sàn giao dịch Bất động sản VNECO - Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam tại Thừa Thiên Huế.

4. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2017 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

5. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Võ Quang
Người lập biểu
Ngày 21 tháng 08 năm 2017

Trần Quang Cần
Kế toán trưởng



Ngô Văn Cường
Tổng Giám đốc